

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT – TP. HÀ NỘI
Bản án số: 07/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 23/4/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Mai

- Ông Đặng Văn Tần

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250a/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Ích A, sinh năm 1964 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Đều đăng ký ĐKNKTT: Thôn F, xã G, huyện Thạch Thất, Thành Phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn anh Phan Ích A trình bày: Anh và chị B kết hôn vào khoảng năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hữu Bằng trên cơ sở tự nguyện (nay Giấy chứng nhận kết hôn anh đã bị thất lạc nên không có để xuất trình). Trước khi kết hôn, anh và chị B có được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại thôn Đình, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, TP.Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh và chị B đã chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án được giải quyết ly hôn với chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên các cháu là Phan Thị C, sinh ngày 16/11/1991; Phan Đức D, sinh ngày 09/12/1993; Phan Ích E, sinh ngày 21/5/2000. Các cháu C, D đều đã trưởng thành, riêng cháu E còn nhỏ hiện nay đang sinh sống cùng chị B. Ly hôn anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu E mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu toà án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhiều lần triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị B đều không tham gia tố tụng tại toà án. Qua xác minh tại địa phương thì anh A, chị B, cháu C, cháu E, D đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đình, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, TP.Hà Nội, chưa cắt chuyển khẩu đi nơi khác, không thực hiện đăng ký tạm trú, tạm vắng. Chị B và các cháu C, D, E vẫn về địa phương nhưng không cố định thời gian cụ thể. Bản thân chị B đã nhận được các thông tin về việc anh A xin ly hôn chị B tại Toà án nhân dân huyện Thạch Thất nhưng chị B cố tình vắng mặt.

Tại phiên toà anh A giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Toà án và không trình bày gì thêm.

Chị Nguyễn Thị B đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng đều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật. Không công nhận anh A, chị B là vợ chồng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh A đối với cháu E là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu E đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con và không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung. Nguyên đơn, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và giải quyết hai mối quan hệ: Ly hôn, con chung là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của anh A xin ly hôn chị B: Hội đồng xét xử xét thấy anh A khai, anh và chị B kết hôn vào năm 1991 tại Ủy ban nhân dân xã Hữu Bằng. Quá trình tham gia tố tụng anh A, chị B không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn giữa anh A với chị B. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất thì sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 trở về trước không còn lưu giữ nên Ủy ban xã không cấp trích lục kết hôn cho anh A, chị B. Qua xác minh tại Phòng tư pháp huyện Thạch Thất thì toàn bộ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1991 trở về trước đều không còn lưu giữ, sổ đăng ký kết hôn từ năm 1992 thì không có tên anh A,

chị B. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000, Hội đồng xét xử không công nhận anh A, chị B là vợ chồng.

[3] Xét yêu cầu của anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phan Ích E, sinh ngày 21/5/2000 mỗi tháng 1.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Các cháu Phan Thị C, Phan Đức D đều đã trưởng thành; riêng cháu Phan Ích E chị B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị B cố tình vắng mặt, dấu địa chỉ nên toà án không lấy lời khai của cháu E. Để đảm bảo quyền lợi của cháu E không bị xáo trộn tiếp tục giao cháu E cho chị B nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ mức thu thập của anh A tại phương hàng tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/1 tháng. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh A đối với cháu E 1.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh A không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện chia tài sản chung cho anh A và chị B nếu có yêu cầu.

[5] Về án phí: Anh Phan Ích A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Nghị quyết số 35/2000/NQ- QH10 ngày 09/6/2000

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Ích A và chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao các cháu Phan Ích E, sinh ngày 21/5/2000 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A cấp dưỡng nuôi cháu E 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu E đủ 18 tuổi. Anh A được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phan Ích A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000652 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai, Anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Ninh